TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 389/2025/DS-ST
Ngày: 15 – 12 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng

2. Bà Lê Trường An

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng mua bán, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 471/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hoàng X – Chủ hộ kinh doanh TQMPM. CCCD: Số 095098003698, cấp ngày 02/5/2021.

Địa chỉ: Ấp NL, xã NQ, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ liên hệ: Ấp TM, xã PM, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ M, là nhân viên của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên TQM (Văn bản ủy quyền ngày 19/7/2025), (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phan Trung T, sinh năm: 2001 (vắng mặt).

CCCD: Số 096201009070, cấp ngày 14/8/2021.

Địa chỉ cư trú: Ấp LC, xã PT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 15/8/2025 và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ M

trình bày: Ngày 27/02/2025, ông Nguyễn Hoàng X – Chủ hộ kinh doanh TQMPM (gọi tắt là TQMPM) có ký hợp đồng mua bán thức ăn tôm và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của ông Phan Trung K và anh Phan Trung T, đến cuối mùa vụ, ông K và anh T sẽ thanh toán dứt điểm công nợ cho ông X. Ngày 30/6/2025, Hộ kinh doanh TQM và anh Phan Trung T lập bảng đối chiếu công nợ thì ông K và anh T còn nợ ông X tổng số tiền 374.708.000đ. Tính đến ngày 08/7/2025, ông K và anh T còn nợ ông X tổng số tiền 359.076.000đ, vì đã trừ một số mặt hàng trả lại. Tuy nhiên, đến nay ông K và anh T không trả được khoản nợ nào cho ông X. Hiện ông Phan Trung K đã chết.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Nguyễn Hoàng X chỉ yêu cầu một mình anh Phan Trung T phải có nghĩa vụ trả cho ông X khoản nợ gốc 359.076.000đ và lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 08/7/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là 15.597.000đ, tổng gốc và lãi là 374.673.000đ.

* Đối với anh Phan Trung T vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Đối với anh Phan Trung T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh T vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo luật định. Về loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án được thực hiện đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên và bị đơn đặt ra được xác định là hợp đồng mua bán hàng hoá. Hàng hoá các bên mua bán là thức ăn tôm và các loại thuốc thủy sản. Quá trình mua bán, sau khi quyết toán công nợ thể hiện tại bảng đối chiếu công nợ ngày 30/6/2025, anh Phan Trung T xác định còn nợ TQMPM (ông X) số tiền 374.708.000đ và tính đến ngày 08/7/2025, anh T còn nợ ông X tổng số tiền 359.076.000đ, do đã đối trừ một số mặt hàng trả lại, nên căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì chứng cứ này không phải chứng minh.

[3] Xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết và ký hợp đồng mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản vào ngày 27/02/2025 với thời hạn hợp đồng đến ngày 31/12/2025 nhưng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên chấp nhận làm cơ sở thanh lý hợp đồng.

[4] Song, vấn đề đặt ra là khoản nợ phải thanh toán, lãi suất, thời gian và phương thức thanh toán nợ như thế nào. Hội đồng xét xử xét thấy: Về khoản nợ giữa các bên đã có giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa và đã có bảng đối chiếu công nợ ngày 30/6/2025, đồng thời sau khi đối trừ một số mặt hàng trả lại, thể hiện số tiền ông K và anh T còn nợ ông X là 359.076.000đ nên buộc ông K và anh T có nghĩa vụ phải thanh toán khoản nợ này cho ông X là có căn cứ.

Tuy nhiên, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn xác định hiện nay ông K đã chết, theo quy định của pháp luật thì những người thừa kế

quyền và nghĩa vụ về tài sản của ông K phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông K nhưng tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu một mình anh Phan Trung T có nghĩa vụ trả nợ cho ông X. Do đó, buộc anh T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên cho ông X là phù hợp.

Đối với lãi suất, ông X yêu cầu tính mức lãi suất 0,83%/tháng do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, tính từ ngày 08/7/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là 05 tháng 07 ngày với số tiền 15.597.000đ, vẫn nằm trong mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự nên có cơ sở chấp nhận. Về thời gian và phương thức thanh toán nợ thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết của cơ quan thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án nên không đề cập giải quyết trong vụ án này là phù hợp. Việc anh T không có ý kiến phản hồi và không tham gia phiên toà để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì anh T phải tự gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình. Về án phí: Theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Do đó buộc bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Ông X không phải chịu án phí, đã nộp tạm ứng án phí nên được trả lại theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng X, Chủ hộ kinh doanh TQMPM – buộc anh Phan Trung T có nghĩa vụ trả cho ông X tổng số tiền 374.673.000đ *(ba trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc anh Phan Trung T phải chịu 18.733.000đ *(mười tám triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng)* khi quyết định có hiệu lực pháp luật. Ông Nguyễn Hoàng X – Chủ hộ kinh doanh TQMPM không phải chịu án phí, ngày 20/10/2025, ông X đã nộp tạm ứng án phí 8.994.000đ theo biên lai số: 2581 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau, được hoàn lại khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Hoàng X – Chủ hộ kinh doanh TQMPM được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phan Trung T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

Hứa Minh Hải